

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/HNGĐ-ST.

Ngày: 31 -8 - 2020

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Đức A

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Học và bà Nguyễn Thị Chiêu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, Thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, thành phố H tham gia phiên tòa:
Bà Khuất Thị Mỹ Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 173/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 12/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2020/QĐ-HNGĐ ngày 25/8/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thanh T, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn 2, xã D, huyện P, Thành phố H; có mặt

- *Bị đơn:* Anh Kim Văn C, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn 2, xã D, huyện P, Thành phố H. Hiện đang cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 7 H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Vũ Thanh T trình bày: Chị kết hôn với anh Kim Văn C trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã D, huyện P đăng ký ngày 01/10/2002. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 thì chị biết được anh C nghiện chất ma túy. Chị và gia đình khuyên anh nhiều lần nhưng anh không thay đổi. Vợ chồng sống với nhau nhưng không có hạnh phúc. Từ tháng 10/2019 anh C đi cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 07 H. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh C không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Kim Thị Mỹ X, sinh ngày 19/12/2003, cháu Kim Thị Thùy G, sinh ngày 23/10/2005, và cháu Kim Văn A sinh ngày

17/3/2016. Hiện chị làm công nhận tại xưởng sản xuất tôn, thu nhập mỗi tháng từ 06 – 07 triệu đồng; cháu X đã nghỉ học và đang đi làm phụ bàn cho quán ăn. Với mức thu nhập của chị và cháu X, đảm bảo sinh hoạt cuộc sống bình thường của mẹ con chị. Thực tế đã nhiều năm nay, chị vẫn một mình chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Anh C ít quan tâm. Ly hôn, chị xin nuôi cả 03 con và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

Bị đơn là anh Kim Văn C trình bày: Anh và chị T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Từ năm 2015 anh đua theo bạn bè nên đã sử dụng và nghiện chất ma túy. Chị T và gia đình đã khuyên can nhiều nhưng anh không thể từ bỏ được ma túy. Cuộc sống vợ chồng thường xuyên va chạm, mâu thuẫn. Tháng 10/2019 anh đi cai nghiện ma túy tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 07 H. Anh biết mình có lỗi với vợ nhiều, thương vợ vất vả vì con và gia đình chồng nhưng vì anh đang đi cai nghiện nên không giúp gì được. Chị T xin ly hôn, anh mong Tòa án động viên, hòa giải để vợ chồng anh về đoàn tụ. Anh hứa sẽ cố gắng sửa chữa, thay đổi và mong chị T tha thứ và suy nghĩ lại mà rút đơn ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung đúng như chị T đã trình bày ở trên.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

Tại phiên tòa, chị T giữ nguyên yêu cầu ly hôn và xin nuôi con.

Anh C vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Chấp nhận đơn ly hôn của chị T được ly hôn anh C. Giao cho chị T trực tiếp nuôi cả 3 con chung là cháu Kim Thị Mỹ X, cháu Kim Thị Thùy G và cháu Kim Văn A. Về tài sản chung, nợ chung: Không có. Chị T pC chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn là chị Vũ Thanh T có đơn xin ly hôn anh Kim Văn C có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã D, huyện P và quan hệ tranh chấp về ly hôn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn: Quan hệ hôn nhân giữa chị Vũ Thanh T và anh Kim Văn C trên cơ sở kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 01/10/2002 tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện P nên được xác định là hôn nhân hợp pháp theo quy định khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào lời trình bày của đương sự, cũng như các tài liệu xác minh thể hiện: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T, anh C xảy ra từ năm 2015. Nguyên nhân do anh C đua đòi sử dụng và nghiện chất ma túy. Chị T và gia đình khuyên ngăn nhiều nhưng anh C không thay đổi. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài nhiều năm. Tháng 09/2019 anh C cai nghiện ma túy tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 07 H. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Chị T không còn tình cảm vợ chồng và xin ly hôn anh C. Anh C mong muốn đoàn tụ vì anh vẫn còn yêu thương chị vợ. Anh nhận có lỗi với vợ và hứa sẽ thay đổi. Xét thấy, quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh C không còn gắn bó, vợ chồng không còn chung sống cùng nhau. Anh C nghiện chất ma túy nhiều năm, đã được vợ và gia đình khuyên nhiều nhưng không thay đổi làm cho hôn nhân của anh chị càng lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp yêu cầu ly hôn của chị T.

Về con chung: Chị T và anh C có 03 con chung là cháu Kim Thị Mỹ X, sinh ngày 19/12/2003, cháu Kim Thị Thùy G, sinh ngày 23/10/2005 và cháu Kim Văn A, sinh ngày 17/3/2016. Cả 03 cháu đang ở với chị T. Ly hôn, chị T xin nuôi cả 3 con và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Anh C đang cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy nên không trực tiếp chăm sóc nuôi con được, nên giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng các con tại thời điểm này là phù hợp, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các cháu. Chị T không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh C.

Về tài sản chung, về nợ chung: Chị T, anh C đều xác định không có nên Tòa án không xem xét.

[3]. Về án phí dân sự: Chị Vũ Thanh T pC chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc yêu cầu ly hôn của chị Vũ Thanh T.

- Chị Vũ Thanh T được ly hôn anh Kim Văn C.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Kim Thị Mỹ X, sinh ngày 19/12/2003, cháu Kim Thị Thùy G, sinh ngày 23/10/2005 và cháu Kim Văn A, sinh ngày 17/3/2016

cho chị Vũ Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh C cho đến khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

2. Về án phí: Chị Vũ Thanh T pC chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003208 ngày 28/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, Thành phố H.

3. Chị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Đức A

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện P;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS huyện P;
- TAND thành phố H;
- UBND xã D, huyện P;
- Lưu HS, VP.

Hoàng Đức A